

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Quý III năm 2010*

Đơn vị tính: VNĐ

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>thuyết minh</b>	<b>Số cuối quý III</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>19.325.672.137</b>	<b>17.559.935.997</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>937.297.063</b>	<b>554.206.362</b>
1. Tiền	111	V.1	937.297.063	554.206.362
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>1.121.800.000</b>	<b>1.121.800.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.121.800.000	1.121.800.000
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>V.3</b>	<b>15.233.246.989</b>	<b>12.929.467.542</b>
1. Phải thu khách hàng	131		3.731.377.550	3.576.521.600
2. Trả trước cho người bán	132		9.885.829.614	7.326.116.098
3. Các khoản phải thu khác	138		1.616.039.825	2.026.829.844
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>700.209.688</b>	<b>523.294.934</b>
1. Hàng tồn kho	141		700.209.688	523.294.934
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.333.118.397</b>	<b>2.431.167.159</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.726.633	50.203.696
2. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước	154		36.287.782	60.877.342
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.280.103.982	2.320.086.121
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>71.127.765.166</b>	<b>49.233.771.126</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>V6.1</b>	<b>16.841.064.090</b>	<b>18.195.453.764</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		12.379.107.433	13.239.635.199
- Nguyên giá	222		17.595.060.733	17.595.060.733
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.215.953.300)	(4.355.425.534)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V6.2	4.016.369.318	4.618.772.727
- Nguyên giá	228		6.409.272.727	6.409.272.727
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.392.903.409)	(1.790.500.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		445.587.339	337.045.838
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.8</b>	<b>52.966.651.792</b>	<b>29.732.047.292</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		52.966.651.792	29.732.047.292
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.320.049.284</b>	<b>1.306.270.070</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.320.049.284	1.306.270.070
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>90.453.437.303</b>	<b>66.793.707.123</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý III	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.726.177.592</b>	<b>5.657.589.708</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.691.950.334</b>	<b>4.623.362.450</b>
1. Vay ngắn hạn	311		(440.000)	
2. Phải trả người bán	312		595.113.764	2.565.724.884
3. Người mua trả tiền trước	313		889.758.921	646.931.421
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11		
5. Phải trả công nhân viên	315		154.054.984	226.308.405
6. Chi phí phải trả	316			4.550.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	1.974.935.735	977.480.228
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		73.526.930	202.367.512
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>V.14</b>	<b>34.227.258</b>	<b>1.034.227.258</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334			1.000.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		34.227.258	34.227.258
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>86.727.259.711</b>	<b>61.136.117.415</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>86.727.259.711</b>	<b>61.136.117.415</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.442.745.000	61.087.750.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		559.272.752	559.272.752
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		517.457.821	517.457.821
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		207.784.138	(1.028.363.158)
5. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>90.453.437.303</b>	<b>66.793.707.123</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
1. Tài sản thuê ngoài	V.24		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Kế toán trưởng

Nghệ An, ngày 30 tháng 9 năm 2010

Tổng giám đốc

Đào Thị Trà

Lưu Thị Thu Hiền

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Quý III năm 2010*

*Đơn vị tính: VN đồng*

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	V.16	2.127.866.580	1.867.940.365	8.265.438.219	5.515.333.863
<b>2. Các khoản giảm trừ</b> + Chiết khấu thương mại + Giảm giá hàng bán + Hàng bán bị trả lại Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp.						
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		2.127.866.580	1.867.940.365	8.265.438.219	5.515.333.863
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	11	V.17	732.623.076	800.437.445	2.949.160.470	2.357.998.938
<b>5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		1.395.243.504	1.067.502.920	5.316.277.749	3.157.334.925
<b>6. Danh thu hoạt động tài chính</b>	21	V.18	47.906.142	23.591.041	48.620.856	45.872.778
<b>7. Chi phí tài chính</b>	22	V.19	15.488.292		49.946.268	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.488.292		49.946.268	
<b>8. Chi phí bán hàng</b>	24		59.088.387		110.907.124	101.452.692
<b>9. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	25		1.286.097.618	828.053.805	3.974.556.612	2.884.400.692
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		82.475.349	263.040.156	1.229.488.601	217.354.353
<b>11. Thu NHẬP khác</b>	31		5.839.500	13.370.000	36.406.500	116.425.000
<b>12. Chi phí khác</b>	32			1.131.000		2.321.000
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	40		5.839.500	12.239.000	36.406.500	114.104.000
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		88.314.849	275.279.156	1.265.895.101	331.458.353
<b>15. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	51	V.20	14.866.512	68.819.789	29.747.805	82.864.588
<b>16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	52					
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TN doanh nghiệp</b>	60		73.448.337	206.459.367	1.236.147.296	248.593.765
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>						

*Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2010*

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Tổng giám đốc**

**Phạm Thị Thuận**

**Đào Thị Trà**

**Lưu Thị Thu Hiền**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
**Quý III năm 2010**

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 30/09/2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.111.586.911
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(2.370.591.049)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(556.943.100)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(15.708.292)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(5.158.245)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	26.130.062.648
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.569.891.787)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>13.723.357.086</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(114.462.241)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(22.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	9.400.000.000
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(12.714.462.241)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.100.316.884)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.100.316.884)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(91.422.039)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.028.719.102</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>937.297.063</b>

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Phạm Thị Thuận**

**Đào Thị Trà**

**Lưu Thị Thu Hiền**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Quý III - Năm 2010

#### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

##### I. Khái quát chung

Công ty Cổ phần tập đoàn SARA ("Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần đào tạo và Phát triển Công nghệ thông tin Quốc gia, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000128, ngày 06 tháng 06 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp. Kể từ ngày cấp đó, Công ty đã thay đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh nhiều lần. Lần thay đổi gần nhất tính đến thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2010 là lần thay đổi thứ 16 vào ngày 11 tháng 09 năm 2010, theo đó:

Vốn điều lệ của Công ty là: **85.000.000.000 đồng - ( Tám mươi lăm tỷ đồng chẵn)**

##### Danh sách cổ đông sáng lập:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần
1	Trần Khắc Hùng	4.335.000
2	Đình Văn Cường	20.000

Người đại diện theo pháp luật: Lưu Thị Thu Hiền – Chức danh Tổng Giám đốc.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

Danh sách chốt cổ đông ngày 20 tháng 03 năm 2009 do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp thì số cổ phần thực tế là 61.087.750 cổ phần tương đương 61.087.750.000 đồng. Do vậy số tiền còn thiếu so với vốn điều lệ là 23.912.250.000 đồng.

##### Trụ sở hoạt động:

Trụ sở chính tại: Km số 2 – Đại lộ Lê Nin, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Chi nhánh Khách Sạn SARA Thành Vinh: Km số 2, Đại lộ Lê Nin, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Chi nhánh SARA-Hitech: Km số 2, Đại lộ Lê Nin, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

##### Ngành nghề kinh doanh:

- Đào tạo và phát triển công nghệ thông tin, ngoại ngữ; Liên kết đào tạo với các tổ chức có chức năng;
- Sản xuất phần mềm tin học;
- Tư vấn du học, hướng nghiệp; kinh doanh bất động sản;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống đầy đủ; Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Vận tải hành khách đường bộ; cho thuê xe ô tô;

- Lắp đặt, cung cấp, sửa chữa các loại máy văn phòng, máy vi tính và các thiết bị ngoại vi;
- Kinh doanh dịch vụ thể thao; hoạt động của các đội và câu lạc bộ bóng đá;
- Sản xuất mua bán nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Dịch vụ đào tạo người dẫn chương trình, người mẫu;
- Dịch vụ hoạt động biểu diễn văn hóa nghệ thuật;
- Thiết kế tạo mẫu thời trang;
- Sản xuất chương trình quảng cáo;
- Dịch vụ tư vấn dự thi hoa hậu, người mẫu;
- Xây dựng các công trình; dân dụng, giao thông và thủy lợi, điện năng (đường dây và trạm biến áp, hệ thống điện chiếu sáng, điện dân dụng, điện công nghiệp);
- Kinh doanh dịch vụ bảo vệ;
- Đào tạo bảo vệ, vệ sỹ;
- Đầu tư xây dựng và cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc;
- Hoạt động môi giới tuyển dụng lao động.

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHẾ ĐỘ VÀ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Công ty thực hiện công tác kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành và Hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 26/03/2006 của Bộ Tài chính và các thông tư bổ sung, sửa đổi kèm theo.
2. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên phần mềm máy tính.
3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam:

Chúng tôi, Công ty Cổ phần tập đoàn SARA tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam, phù hợp đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền

và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo;

## **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo. Nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng phải thu khó đòi: Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho năm 2009.

## **3. Nguyên tắc hạch toán hàng tồn kho.**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:
- Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Phương pháp xác định hàng tồn kho: Giá trị tồn kho cuối kỳ = Giá trị tồn đầu kỳ + Giá trị nhập trong kỳ – Giá trị xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập bình quân của từng lô hàng).
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

## **4. Ghi nhận và khấu hao TSCĐ:**

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

TSCĐ của Công ty được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng được ghi nhận theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ bao gồm giá mua cộng thuế nhập khẩu, chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử và các chi phí liên quan khác để đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng;

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao áp dụng phù hợp với khung thời gian khấu hao quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.



<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao</b>
- Máy móc thiết bị	3 – 5 năm
- Phương tiện vận tải	7 -8 năm
- Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
- Nhà cửa vật kiến trúc	5-25 năm
- Tài sản cố định khác	3-5 năm

## **5. Đầu tư tài chính**

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

## **6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo. Nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

## **7. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập theo Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài Chính.

## **8. Ghi nhận các khoản chi phí trả trước:**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí quản lý doanh nghiệp chuyển chờ kết chuyển kỳ sau; chi phí công cụ dụng cụ phân bổ dần, chi phí ngắn hạn khác.

## **9. Nguồn vốn chủ sở hữu:**

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế bằng tiền, bằng trị giá vốn góp của tài sản và bổ sung cổ phần theo hình thức chia cổ tức bằng cổ phần.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Việc trích lập các khoản dự trữ và các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được tiến hành căn cứ vào: Điều lệ Công ty, Quy chế tài chính, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

## **10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

### **10.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### **10.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### **10.3 Doanh thu hợp đồng xây dựng** được ghi nhận theo qui định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 15 về hợp đồng xây dựng.

### **10.4 Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Có khả năng thu được từ lợi ích giao dịch đó.

## **11 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 27/UDDT-NA ngày 04 tháng 11 năm 2003 do chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cấp thì:

- + Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế đối với hoạt động đầu tư và khai thác Khu giăng đường và ký túc xá sinh viên.
- + Công ty được miễn thuế thu nhập trong thời gian 2 năm và được giảm 50% trong thời gian 4 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế; được cấp lại thuế thu nhập trong 3 năm tiếp theo kể từ khi hết hạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động đầu tư và khai thác Khu giăng đường và ký túc xá sinh viên.
- + Theo tờ trình xin xác nhận thời điểm ưu đãi đầu tư ngày 24 tháng 08 năm 2007 thì Công ty được hưởng các ưu đãi đầu tư từ năm 2006. Thuế Thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.
- Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.
- Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế

thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

- Các loại thuế khác thực hiện theo qui định hiện hành

### **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên liên quan còn được hiểu theo luật doanh nghiệp và được qui định trong điều lệ công ty .

Các bên có liên quan với công ty được trình bày phần thuyết minh báo cáo tài chính mục các bên liên quan.

## **12 Các sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán.**

Các sự kiện phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán mà cung cấp những thông tin bổ sung về tình hình của Công ty tại ngày lập Bảng cân đối kế toán (các sự kiện điều chỉnh) được phản ánh trên các Báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau mà không phải là các sự kiện điều chỉnh sẽ được giải trình trong thuyết minh báo cáo tài chính khi được coi là trọng yếu.

Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ với Công ty:

- Chưa thống nhất được giá trị cần nộp cho khoản tiền thuê đất chuyển đổi mục đích từ dự án trường học sang xây dựng khách sạn.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN - ĐƠN VỊ TÍNH: VND**

	Số cuối quý III-2010	Số đầu năm
<b>1. Tiền</b>		
- Tiền mặt	<b>478.839.604</b>	<b>479.274.833</b>
<i>Tiền Việt Nam</i>	<i>478.839.604</i>	<i>479.274.833</i>
- Tiền gửi Ngân hàng	<b>458.457.459</b>	<b>74.931.529</b>
+ Tiền gửi Việt Nam đồng	<i>458.457.459</i>	<i>74.931.529</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển- CN Nghệ An</i>	<i>13.236.770</i>	<i>63.190.693</i>
<i>Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam-CN Vinh</i>	<i>20.071.879</i>	<i>11.740.836</i>
<i>Ngân hàng công thương Bến Thủy</i>	<i>6.584.831</i>	<i>0</i>
<i>Ngân hàng TMCP Bảo Việt</i>	<i>418.563.979</i>	<i>0</i>
+ Tiền gửi Ngoại tệ		-

Cộng	<b>937.297.063</b>	<b>554.206.362</b>
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>Số cuối Quý III-2010</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	<b>1,121,800,000</b>	<b>1,121,800,000</b>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	<i>1,121,800,000</i>	<i>1,121,800,000</i>
(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1,121,800,000</b>	<b>1,121,800,000</b>
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối Quý III-2010</b>	<b>Số đầu năm</b>
- <b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>3.731.377.550</b>	<b>3.576.521.600</b>
Công ty CP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương	<i>44.573.330</i>	<i>18.261.022</i>
Trần Hoàng Nghệ (Phải thu tiền bán CP Trung Long)	<i>1,797,924,688</i>	<i>1,797,924,688</i>
<i>Sở Kế hoạch và đầu tư Nghệ An</i>		<i>4.200.000</i>
<i>Phải thu của khách hàng bên khách sạn chuyển qua</i>	<i>560.246.484</i>	<i>342.200.890</i>
<i>Phải thu Phải trả</i>	<i>729.670.650</i>	<i>432.877.000</i>
<i>Phải thu sara Hitech</i>	<i>0</i>	<i>37.830.000</i>
<i>Phải thu của học viên Khoá MPA-FTU)</i>	<i>598.962.398</i>	<i>943.228.000</i>
<b>Phải thu khác</b>	<b>1.616.039.825</b>	<b>2.026.829.844</b>
<i>Phải thu cá nhân khác</i>	<i>521.604.747</i>	<i>541.604.747</i>
<i>Nguyễn Anh Tuấn (Tạm ứng tiền phục vụ cho VINA WINE)</i>	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>
<i>Lợi nhuận từ các công ty góp vốn (Cty Truyền hình cáp NA)</i>	<i>0</i>	<i>372.800.000</i>
<i>Lợi nhuận thu từ góp vốn (Cty Đầu tư và phát triển SARA Hà Tĩnh)</i>	<i>596,251,912</i>	<i>596.251.912</i>
<i>Lợi nhuận từ góp vốn (Cty CP dược phẩm Nghệ An)</i>	<i>0</i>	<i>25.963.200</i>
<i>Phải thu khác ngắn hạn khác (lãi vay phải trả )</i>	<i>475,156,666</i>	<i>475.156.666</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>18.026.500</i>	<i>10.053.319</i>
<i>Nợ tài khoản lương</i>	<i>-</i>	
<i>Nợ tài khoản phải trả khác</i>	<i>18.026.500</i>	<i>10.053.319</i>
- <b>Trả trước cho người bán</b>	<b>9.885.829.614</b>	<b>7.326.116.098</b>
<i>SARA VN</i>	<i>6.235.767.484</i>	<i>6.239.267.484</i>
<i>Báo Nghệ An</i>	<i>3,802,902</i>	<i>3,802,902</i>
<i>Công ty Đông Nam</i>	<i>298.000</i>	<i>298.000</i>
<i>Công ty TNHH Thanh Hà</i>		
<i>SARA Hitech</i>	<i>254,995,344</i>	<i>254,995,344</i>

<i>Công ty CP VINAKEN</i>	2.545.455	2.545.455
<i>Công ty TNHH Kiểm toán CPA</i>	12.000.000	52.000.000
<i>Trả trước cho trường ĐH FTU của Mỹ</i>	2.639.990.013	0
<i>Đối tượng khác</i>	736.430.416	776.706.913
<b>Cộng</b>	<b>15.233.246.989</b>	<b>12.929.467.542</b>

<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối Quý III-2010</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Nguyên liệu, vật liệu		82.864.589
- Công cụ, dụng cụ		0
- Chi phí SX, KD dở dang	65.895.000	0
- Hàng hóa	634.314.688	523.294.934
<b>Cộng</b>	<b>700.209.688</b>	<b>523.294.934</b>

<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối Quý III-2010</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	16.726.633	50.203.696
Thuế và các khoản phải thu nhà nước		
Tài sản ngắn hạn khác	<b>1.280.103.982</b>	<b>2.320.086.121</b>
- Phòng KD Sara Hitech ứng		724,866,581
- Ứng nội bộ Công ty	326.904.832	649.134.540
- Vũ Duy Sơn - Dự án nâng cấp trường Cao đẳng	304.114.150	300.000.000
- Trần Khắc Chắt - dự án Lào Việt	649.085.000	646.085.000
<b>Cộng</b>	<b>1.296.830.615</b>	<b>2.370.289.817</b>

#### 6.1 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

<b>Nguyên giá</b>	
<b>Số đầu năm</b>	<b>17.595.060.733</b>
Tăng do mua sắm	
Đầu tư XDCB hoàn thành	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>17.595.060.733</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	4.935.602.258
Khấu hao trong năm	280.315.042
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.215.953.300</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	12.659.458.475

**Số cuối năm**

**12.379.107.433**

**6.2 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Chi phí Quyền sử dụng đất</b>	<b>TSCĐ vô hình khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>A</b>	<b>Nguyên giá</b>			
	1. Số dư đầu năm		<b>6.409.272.727</b>	<b>6.409.272.727</b>
	2. Số tăng trong quý	-		
	- Mua trong quý	-		
	- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-		
	- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-		
	- Tăng khác	-		
	3. Số giảm trong quý	-		
	- Thanh lý, nhượng bán	-		
	- Giảm khác	-		
	4. Số dư cuối quý	-	<b>6.409.272.727</b>	<b>6.409.272.727</b>
<b>B</b>	<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
	1. Số dư đầu năm		<b>2.192.102.273</b>	<b>1.790.500.000</b>
	2. Số tăng trong quý	-	<b>200.801.136</b>	<b>398.875.000</b>
	- Khấu hao trong quý		200.801.136	398.875.000
	- Tăng khác			
	3. Số giảm trong quý	-	-	-
	- Thanh lý, nhượng bán			
	- Giảm khác			
	4. Số dư cuối quý	-	<b>2.392.903.409</b>	<b>2.189.375.000</b>
<b>C</b>	<b>Giá trị còn lại</b>			
	1. Tại ngày đầu năm	-	<b>4.217.170.454</b>	<b>4.618.772.727</b>
	2. Tại ngày cuối quý	-	<b>4.016.369.318</b>	<b>4.219.897.727</b>
<b>7</b>	<b>Chi phí XDCB dở dang</b>		<b>Số cuối Quý III-2010</b>	<b>Số đầu năm</b>
	Sửa chữa lớn TSCĐ			41.852.194
	Chi phí mua sắm bên Lào		401.154.339	214.800.656
	Chi phí khác		44.433.000	80.392.988
	<b>Cộng</b>		<b>445.587.339</b>	<b>337.045.838</b>
<b>8</b>	<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>Số cuối Quý III-2010</b>	<b>Số đầu năm</b>
	Công ty Truyền hình cáp NA		3,000,000,000	3,000,000,000
	Công ty cổ phần thương mại Hải Đăng		450,000,000	450,000,000
	Công ty cổ phần Vinaken		2,000,000,000	2,000,000,000
	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng SARA 425		2,000,000,000	2,000,000,000
	Công ty CPĐT & PTCN SARA		4,400,000,000	4,400,000,000
	Công ty cổ phần viễn thông SARA		1,700,000,000	1,700,000,000

Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng	787,500,000	787,500,000
Công ty cổ phần Trung Long	1,650,514,800	1,650,514,800
Công ty cổ phần SARA hitech	2,194,032,492	2,194,032,492
Công ty cổ phần Media	1,800,000,000	1,800,000,000
Công ty cổ phần CK SARA	3,900,000,000	3,900,000,000
Công ty cổ phần Vinawine	13.234.604.500	2,000,000,000
Công ty Hùng phát	3,850,000,000	3,850,000,000
Đầu tư khác (gửi TK)	12.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>52.966.651.792</b>	<b>29,732,047,292</b>

<b>9 Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>Số cuối Quý III-2010</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		1.306.270.070
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình		506.555.358
- Chi phí trả trước dài hạn	1.320.049.284	635.597.008
		164.117.704
<b>Cộng</b>	<b>1.320.049.284</b>	<b>1.306.270.070</b>

<b>10 Nợ ngắn hạn</b>	<b>Số cuối Quý III-2010</b>	<b>Số đầu năm</b>
- <b>Phải trả người bán</b>	<b>595.113.764</b>	<b>2.565.724.884</b>
ĐH Thành Phố HCM		1.243.067.645
ĐH Hà Nội	84.000.000	84.000.000
Cty CP thiết bị tổng hợp máy Văn phòng		469.861.711
Trường Cao Đẳng Dược Phú Thọ	83.350.000	140.000.000
Khách sạn	93.909.734	68.696.229
Phải trả khác	333.854.030	560.099.299
- <b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>889.758.921</b>	<b>646.931.421</b>
Tại khách sạn	108,291,421	108,291,421
Sở KHĐT (Phan Chí Thành)	1,650,000	1,650,000
Học viên	768.792.500	525.665.000
Thu tiền thuê xe	11,025,000	11,025,000
<b>Cộng</b>	<b>1.484.872.685</b>	<b>3.212.656.305</b>

<b>11 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>Số cuối Quý III-2010</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	0	0
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(36.287.782)	(60.877.342)



Cộng	(36.287.782)	(60.877.342)
------	--------------	--------------

12 Chi phí phải trả	Số cuối Quý III-2010	Số đầu năm
Phí dịch vụ kiểm toán BCTC 2009		
Phí khác		4.550.000
Cộng		<b>4.550.000</b>

13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối Quý III-2010	Số đầu năm
* Kinh phí công đoàn	13.983.768	15.573.768
* Bảo hiểm xã hội, BHYT	-44.510.697	88.976.981
* Cổ tức phải trả	53,088,220	53,088,220
* Phải trả, phải nộp khác	1.333.082.490	84,438,601
* Tạm ứng khác	64.291.954	235.402.658
Sara VN chuyển tiền cho Vinawine	500.000.000	500.000.000
Cộng	<b>1.979.935.735</b>	<b>977.480.228</b>

14 Vay và nợ dài hạn	Số cuối Quý III-2010	Số đầu năm
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An		1.000.000.000
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	34,227,258	34,227,258
Cộng	<b>34.227.258</b>	<b>1.034.227.258</b>

#### 15. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>61.087.750.000</b>	517.457.821	565.272.752	<b>30.166.747</b>	<b>62.200.647.320</b>
- Tăng vốn trong năm trước					
- Lãi trong năm trước				(1.058.529.905)	(1.058.529.905)
- Tăng khác					
- Giảm khác			6.000.000		6.000.000
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>61.087.750.000</b>	517.457.821	559.272.752	<b>(1.028.363.158)</b>	<b>61.136.117.415</b>
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	<b>61.087.750.000</b>	517.457.821	559.272.752	<b>(1.028.363.158)</b>	<b>61.136.117.415</b>
- Tăng vốn trong kỳ này	24.334.995.000				-
- Lãi trong kỳ				1.236.147.296	1.236.147.296
- Tăng khác					

- Giảm vốn trong kỳ này
- Lỗ trong kỳ
- Giảm khác

<b>4. Số dư cuối năm nay</b>	<b>85.422.745.000</b>	517.457.821	559.272.752	<b>207.784.138</b>	<b>86.707.259.711</b>
------------------------------	-----------------------	-------------	-------------	--------------------	-----------------------

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:**

<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>Cuối quý III</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	61,087,750,000	61,087,750,000
Vốn góp tăng trong năm	24.334.995.000	
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	85.422.745.000	61,087,750,000
<b>Cổ phiếu</b>		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	8.500.000	6,108,775
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	8.500.000	6,108,775
Cổ phiếu phổ thông:	8.500.000	6,108,775
Cổ phiếu ưu đãi:		
Số lượng cổ phiếu được mua lại:		
	-	-
Cổ phiếu phổ thông:	-	-
Cổ phiếu ưu đãi:		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	6,108,775	6,108,775
Cổ phiếu phổ thông:	8.500.000	6,108,775
Cổ phiếu ưu đãi:		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH ĐƠN VỊ TÍNH: VND**

<b>16 Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Quý III-2010</b>	<b>Luỹ kế từ đầu năm</b>
	<b>2.133.706.080</b>	<b>8.265.438.219</b>
Doanh thu hoạt động đào tạo	1.471.211.000	4.825.177.000
Doanh thu kinh doanh nhà hàng, khách sạn	592.536.547	1.160.322.216
Doanh thu kinh doanh khác	5.839.500	33.052.000
Doanh thu hoạt động đại lý chứng khoán	64.119.033	130.072.423

	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.133.706.080	6.148.959.114
<b>17</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>Quý III-2010</b>	<b>Luỹ kế từ đầu năm</b>
	Giá vốn hoạt động đào tạo	384.159.215	1.332.536.332
	Giá vốn nhà hàng, khách sạn	348.463.861	884.001.062
	Giá vốn kinh doanh khác	-	
	Giá vốn đại lý chứng khoán		
	<b>Cộng</b>	<b>732.623.076</b>	<b>2.216.537.394</b>
<b>18</b>	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Quý III-2010</b>	<b>Luỹ kế từ đầu năm</b>
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	49.906.142	714.714
	Cổ tức lợi nhuận được chia		
	<b>Cộng</b>	<b>49.906.142</b>	<b>714.714</b>
<b>19</b>	<b>Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b>15.708.292</b>	
<b>20</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Quý III-2010</b>	<b>Luỹ kế từ đầu năm</b>
	<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế</b>	<b>88.314.849</b>	<b>1.175.757.525</b>
	<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</b>		
	<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>		
	Các khoản khác		
	Chi phí quảng cáo vượt quá mức cho phép		
	Chi phí đóng góp từ thiện		
	Doanh thu chưa thực hiện tính vào năm thu nhập chịu thuế		
	Chi phí liên quan đến các khoản doanh thu chịu thuế năm trước		
	Thay đổi trong dự phòng phải thu khó đòi		
	Thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
	Chi thù lao hội đồng quản trị không điều hành sản xuất		
	<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>		
	Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		
	Thuế thu nhập tạm tính không phải nộp		
	Chi phí liên quan đến doanh thu chưa thực hiện		
	Lợi nhuận đã tính thuế TNDN năm trước		
	<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh chưa trừ chuyển lỗ và trước thuế</b>		
	Lỗ năm trước chuyển sang		1.028.363.158
	<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm nay</b>	<b>59.466.849</b>	<b>134.809.424</b>

Thuế TNDN ước tính năm nay	14.866.512	
Thuế TNDN được miễn/giảm		
Thuế TNDN bổ sung		
<b>Chi phí thuế TNDN năm nay</b>		
Thuế TNDN phải trả đầu năm		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước		(60.877.341)
Thuế TNDN đã trả trong năm	5.158.245	
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>(36.287.782)</b>	<b>(48.292.399)</b>
<b>21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Quý III-2010</b>	<b>Luỹ kế từ đầu năm</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	73.448.337	(1.058.529.992)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		(1.058.529.992)
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi		
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu.		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	73.448.337	134.809.424
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.108.775	6.108.775
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>12</b>	<b>22</b>
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	6.108.778	6.108.775
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành bổ sung	-	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.108.778	6.108.775

## VII. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và thông tin tài chính khác
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ
3. Thông tin về các bên liên quan

### *Các bên liên quan với công ty gồm:*

### *Mối quan hệ*

1. Công ty cổ phần SARA Việt Nam	Góp vốn
2. Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển công nghệ SARA	Góp vốn
3. Công ty cổ phần viễn thông SARA	Bên liên kết

4. Công ty Truyền hình cáp NA	Bên liên kết	
5. Công ty cổ phần thương mại Hải Đăng	Bên liên kết	
6. Công ty cổ phần Vinaken	Bên liên kết	
7. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng SARA 425	Bên liên kết	
8. Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng	Bên liên kết	
9. Công ty cổ phần Trung Long	Bên liên kết	
10. Công ty cổ phần SARA hitech	Bên liên kết	
11. Công ty cổ phần Media	Góp vốn	
12. Công ty cổ phần CK SARA	Góp vốn	
13. Công ty cổ phần Vinawine	Bên liên kết	
14. Công ty cổ phần Hùng Phát	Bên liên kết	
<b>Đầu tư dài hạn (Xem thuyết minh đầu tư dài hạn)</b>		<b>52..966.651.792</b>

#### 4 Bảng đánh giá khái quát tình hình tài chính của Công ty

Chỉ tiêu	Quý III	Sáu tháng đầu năm
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản		
- TS ngắn hạn/ tổng tài sản	21,36%	26,22%
- TS dài hạn/ tổng tài sản	78,64%	73,78%
1.2. Bố trí cơ cấu vốn		
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	4,12%	8,39%
- Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	95,88%	91,61%
2. Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát		
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn		
2.3. Khả năng thanh toán nhanh		
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1. Suất sinh lời trên doanh thu		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Doanh thu	4,15%	18,95%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu	3,45%	81,05%
3.2. Suất sinh lời của tài sản		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản	0,097%	1,76%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	0,081%	1,74%
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	0.085%	1,9%

- 6 Những thông tin khác: Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện mục tiêu, phương hướng hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết đại hội cổ đông hàng năm đã đề ra.  
Thông tin về thuế: Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế.
- 7 Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Kế toán trưởng**

*Nghệ An, ngày 20 tháng 10 năm 2010*

**Tổng Giám đốc**

**Đào Thị Trà**

**Lưu Thị Thu Hiền**